



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026
Học phần: Quản trị nhân lực

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	01					ĐK
2	000002	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	1	7,0	1	Chấn	Chấn
3	000003	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	2	7,0	1	Kim	Kim
4	000004	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	3	7,0	1	Anh	Chấn
5	000005	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	4	8,0	1	Kim	Kim
6	000006	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	5	4,0	1	Lan	Chấn
7	000007	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	6	6,0	1	Tài	Kim
8	000008	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01					HP
9	000009	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	7	6,8	1	Anh	Kim
10	000010	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01					ĐK
11	000011	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01	8	6,3	1	Đức	Kim
12	000012	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	9	4,5		Chấn	Chấn
13	000013	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	10	5,8	1	Anh	Kim
14	000014	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP, ĐK
15	000015	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	11	3,8	1	Bích	Kim
16	000016	1101030503	Nguyễn Thị Thanh Bình	Bình	03/02/2005	QM11A	01	12	7,8	1	Bình	Chấn
17	000017	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	13	4,3	1	Đặng	Kim
18	000018	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	14	4,8	1	Đạt	Chấn
19	000019	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	15	7,3	1	Duyên	Kim
20	000020	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	16	8,0	1	Mỹ	Chấn
21	000021	1101030533	Nguyễn Thu	Giang	31/12/2005	QM11A	01	17	7,0	1	Giang	Kim
22	000022	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	18	7,5	1	Hà	Chấn
23	000023	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	19	6,0	1	Hải	Kim
24	000024	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	20	6,3	1	Hằng	Chấn
25	000025	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	21	7,3	1	Hiền	Kim
26	000026	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	22	5,0	1	Thu	Chấn
27	000027	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	23	6,5	1	Hiệp	Kim
28	000028	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	24	5,5	1	Hiếu	Chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
29	000029	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	25	6,8	1	Hoa	lẻ
30	000030	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	26	7,5	1	Hoàng	chẵn
31	000031	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	01	27	7,3	1	Hồng	lẻ
32	000032	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01	28	6,5	1	Khánh	chẵn
33	000033	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	01	29	7,3	1	Lan	lẻ
34	000034	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	01	30	8,0	1	Linh	chẵn
35	000035	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	01	31	7,3	1	Thuỳ	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 31....

Tổng số tờ giấy thi: 31....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 14 tháng 01 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2





Nguyễn Thị Phương Hoa Phạm Việt Phương



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị nhân lực

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000036	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	01					ĐK
2	000037	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	01	32	6,3	1	Long	Le'
3	000038	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	01	33	3,0	1	Ly	chấn
4	000039	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	01	34	6,8	1	Mai	Lo'
5	000040	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	01					HP,ĐK
6	000041	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	01	35	6,8	1	Ngô	le'
7	000042	1101030650	Bùi Thảo	Nguyên	09/10/2005	QM11A	01	36	6,5	1	Nguyễn	chấn.
8	000043	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	01	37	5,5	1	Nhung	Le'
9	000044	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	01	38	5,3	1	Oanh	chấn
10	000045	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	01	39	5,8	1	Phuong	Le'
11	000046	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	01	40	4,8	2	Quân	chấn
12	000047	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	01	41	7,0	1	Trần	le'
13	000048	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	01	42	6,0	1	Chiến	chấn
14	000049	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	01	43	6,3	1	Thảo	le'
15	000050	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	01	44	6,5	1	Thịnh	chấn
16	000051	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	01	45	6,8	1	Thư	le'
17	000052	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	01	46	7,8	1	Thúy	chấn
18	000053	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	01	47	5,0	1	Trà	le'
19	000054	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	01	48	4,8	1	Trang	chấn
20	000055	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP,ĐK
21	000056	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	01	49	7,5	2	Đoàn	chấn
22	000057	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	01	50	6,8	1	Tùng	le'
23	000058	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	01	51	7,0	1	Yến	chấn
24	000059	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	01	52	5,5	1	Hải	le'
25	000060	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01	53	5,3	1	Cường	chấn
26	000061	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi: 22

Ngày 14 tháng 1 Năm 2026

Tổng số tờ giấy thi: 23

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản: 0

Đoàn Thị Hồng Phụng

Phạm Thị Ngọc